TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 449/2018/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 15 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 594/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Dương Hữu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị Sa L, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh N và chị L kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ nên thường xuyên gây gỗ nhau. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay anh N xác định tình cảm không còn nên cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

[2] Chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh N và chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Dương Hữu N và chị Nguyễn Thị Sa L thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh N và chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh N và chị L không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, do anh Dương Hữu N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0020510 ngày 31/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã D;
- Lưu.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Chí Đức